CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HVCSPT ngày tháng 07 năm 2024 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

NGÀNH ĐÀO TẠO : TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
MÃ SỐ : 7340201
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO : ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH : TÀI CHÍNH (CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO GIẢNG DẠY BẰNG TIẾNG ANH)

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính, chương trình chất lượng cao giảng dạy bằng Tiếng Anh đào tạo cử nhân sau khi ra trường có kiến thức cơ bản về kinh tế - quản lý, kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về lĩnh vực tài chính – ngân hàng; có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt, có ý thức phụng sự cộng đồng. Chương trình đào tạo kết hợp lý thuyết với thực hành cũng như các kỹ năng mềm, giúp người học sử dụng thành thạo Tiếng Anh trong tự học và tự nghiên cứu, có thái độ và tư duy hội nhập để giải quyết được các vấn đề trong công việc, đáp ứng nhu cầu từ thị trường việc làm trong nước và quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa.

1.2. Mục tiêu cụ thể

+ PO 1: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội; có lập trường tư tưởng chính trị, khoa học xã hội và nhân văn; nắm vững những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, hiểu biết về chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Đồng thời cung cấp cho người học khả năng phân tích, đánh giá và nhìn nhận thực tiễn nền kinh tế thị trường, các vấn đề tài chính hiện đại trong bối cảnh Việt Nam đang tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

+ PO 2: Trang bị cho người học những kiến thức nền tảng và chuyên sâu về nền kinh tế nói chung và ngành tài chính ngân hàng nói riêng, cụ thể: (i) Kiến thức cơ bản về khối ngành kinh doanh và quản lý cho phép sinh viên vận dụng các công cụ phân tích các chính sách kinh tế và hoạt động kinh doanh; (ii) Kiến thức chuyên sâu về quản lý tài chính doanh nghiệp hiện đại như kế toán quản trị, phân tích báo cáo tài chính, thẩm định dự án đầu tư; (iii) Kiến thức cơ bản và chuyên sâu về các lĩnh vực khác như ngân hàng, kế toán, thuế, đầu tư, bảo hiểm, pháp luật tài chính – ngân hàng; (iv) Kiến thức chuyên môn về các vấn đề tài chính quốc tế, ảnh

hưởng từ sự biến động các biến số kinh tế vĩ mô tới nền kinh tế nói chung và các hoạt động tài chính nói riêng.

+ PO 3: Cử nhân chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính, chương trình chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Anh có khả năng vận dụng các kiến thức tài chính chuyên sâu và kỹ năng nghiệp vụ để đảm nhiệm tốt các công việc khác nhau trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, thuế, bảo hiểm,… tại các doanh nghiệp trong nước và quốc tế, tại các cơ quan quản lý nhà nước hay tham gia quá trình tư vấn, hoạch định, đánh giá các chính sách kinh tế - tài chính tại các cơ quan nhà nước.

+ PO 4: Trang bị các phương pháp nghiên cứu, khả năng ngoại ngữ, kỹ năng mềm như kỹ năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng thuyết trình, và tư duy khoa học, sáng tạo trong công việc… để người học tăng khả năng thích ứng với các vị trí công việc khác nhau trong tương lai. Chú trọng khả năng giao tiếp, trao đổi chuyên môn bằng tiếng Anh với các đồng nghiệp, đối tác; rèn luyện đức tính tự giác, kiên trì, năng lực tự học để đáp ứng nhu cầu và mục tiêu học tập các chương trình sau đại học.

+ PO 5: Cử nhân chuyên ngành Tài chính, chương trình chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Anh có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành pháp luật, nội quy của đơn vị; có tinh thần chủ động sáng tạo, nhiệt tình và năng lực hợp tác trong thực hiện và chịu trách nhiệm về các nhiệm vụ được giao.

1.3. Trình độ ngoại ngữ và tin học

+ Đạt trình độ về ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển. Có khả năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh trình độ tương đương bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

+ Đạt trình độ tin học: Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist), sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

+ Có đủ điều kiện và khả năng tự nghiên cứu, phát triển trình độ kiến thức và tham gia đào tạo ở bậc sau đại học trong và ngoài nước.

+ Bảo đảm việc liên thông khối kiến thức ngành Tài chính - Ngân hàng với các cơ sở đào tạo khác ở Việt Nam và quốc tế.

+ Độc lập thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học, sản phẩm liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

Đặc biệt, sau khi ra trường, sinh viên có thể đảm nhiệm một số vị trí việc làm như sau:

+ Chuyên viên phân tích tài chính: Phân tích và đánh giá hiệu suất tài chính tại các công ty đầu tư, ngân hàng và công ty quản lý tài sản.

+ Nhà tư vấn tài chính: Cung cấp các giải pháp tài chính và đầu tư cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp, làm việc tại các công ty tư vấn tài chính quốc tế.

+ Quản lý quỹ đầu tư: Quản lý danh mục đầu tư và đưa ra các quyết định đầu tư chiến lược tại các quỹ đầu tư và công ty quản lý tài sản.

+ Chuyên viên quản lý rủi ro: Đánh giá và quản lý các rủi ro tài chính tại các ngân hàng, công ty bảo hiểm và tổ chức tài chính.

+ Chuyên viên ngân hàng đầu tư: Tham gia vào các hoạt động mua bán và sáp nhập, phát hành chứng khoán và các giao dịch tài chính phức tạp tại các ngân hàng đầu tư.

+ Chuyên viên kế toán quản trị: Quản lý và phân tích chi phí, lập ngân sách và dự báo tài chính tại các doanh nghiệp lớn.

+ Chuyên viên tín dụng: Đánh giá tín dụng và quản lý các khoản vay tại các ngân hàng và tổ chức tài chính.

2. Chuẩn đầu ra:

2.1. Chuẩn đầu ra CTĐT.

A. Chuẩn đầu ra về kiến thức

A.1. Chuẩn đầu ra chung của ngành Tài chính – Ngân hàng

PLO 1.1: Nắm vững được phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin và của Đảng cộng sản Việt Nam, hiểu về thể chế nhà nước, quy trình và tác động của chính sách, vận dụng vào giải quyết vấn đề thực tiễn trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

PLO 1.2: Hiểu, vận dụng các quy luật của kinh tế thị trường, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào thực tiễn để giải quyết vấn đề kinh tế - xã hội, đưa ra các quyết định kinh doanh thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

PLO 1.3: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về nền kinh tế nói chung và cách thức vận hành của thị trường tài chính nói riêng để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

PLO 1.4: Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ kế toán, thuế, tài chính – tiền tệ…. vào việc tổ chức thực hiện trong thực tế.

A.2. Chuẩn đầu ra riêng của chuyên ngành

PLO 1.5: Phân tích các hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực Tài chính như hoạt động tài chính doanh nghiệp, hoạt động của các định chế tài chính, hoạt động định giá tài sản và đầu tư chứng khoán.

PLO 1.6: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng chuyên sâu để phân tích, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp, phân tích các cơ hội đầu tư tài chính và quản trị rủi ro tài chính.

PLO 1.7: Phân tích các vấn đề chuyên sâu về tài chính quốc tế, về mối liên hệ giữa lạm phát, lãi suất và tỷ giá cũng như ảnh hưởng của các biến số này tới nền kinh tế quốc gia cũng như hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

B. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

B.1. Kỹ năng nghề nghiệp

PLO 2.1: Có kỹ năng nghiệp vụ trong các ngành nghề khác nhau như kế toán, thuế, tài chính doanh nghiệp, ngân hàng, bảo hiểm… tại các đơn vị công hoặc doanh nghiệp tư nhân trong nước và quốc tế.

B.2. Kỹ năng mềm

PLO 2.2: Năng lực ngoại ngữ đạt bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

PLO 2.3: Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình trước đám đông để tổ chức và điều hành công việc.

2.1.3. Chuẩn năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp

PLO 3.1: Có phẩm chất chính trị; sức khoẻ tốt; lối sống lành mạnh; Tác phong làm việc chuyên nghiệp và khả năng học tập suốt đời để phát triển năng lực cá nhân..

PLO 3.2: Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; có khả năng đưa ra được kết luận về lĩnh vực kinh tế, tài chính – ngân hàng ở mức độ căn bản và một số vấn đề mức độ chuyên sâu; đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo của một tổ chức..

2.2. Tiêu chí đánh giá (Ma trận PI)

CĐR của CTĐT (PLO)	Mã PI	Nội dung tiêu chí đánh giá
PLO 1.1: Nắm vững được phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin và của Đảng cộng sản Việt Nam, hiểu về thể chế nhà nước, quy trình và tác động của chính sách, vận dụng vào giải quyết vấn đề thực tiễn trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN	PI 1.1.1	Trình bày được phương pháp luận, tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng HCM, vận dụng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn
	PI 1.1.2	Hiểu về thể chế Nhà nước; trình bày được quy trình xây dựng và thực thi chính sách. Phân tích được tình huống tác động của chính sách tới tình hình kinh tế xã hội tại Việt Nam.
PLO 1.2: Hiểu, vận dụng các quy luật của kinh tế thị trường, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào thực tiễn để giải quyết vấn đề kinh tế - xã hội, đưa ra các quyết định kinh doanh thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.	PI 1.2.1	Nắm vững kiến thức toán, thống kê, phương pháp nghiên cứu, vận dụng vào giải bài toán kinh tế, tìm điểm tối ưu trong kinh doanh.
	PI 1.2.2	Nắm vững nguyên lý của kinh tế học, lý thuyết về kinh tế thị trường, vận dụng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Phân tích, bình luận được các tình huống kinh tế - xã hội
PLO 1.3: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về nền kinh tế nói chung và cách thức vận hành của thị trường tài chính nói riêng để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.	PI 1.3.1	Hiểu được các nguyên lý cơ bản về kinh tế, các thuật ngữ và khái niệm quan trọng trong lĩnh vực tài chính; có khả năng áp dụng những kiến thức này để phân tích và giải quyết các vấn đề thực tế trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng.
	PI 1.3.2	Phân tích thông tin tài chính, định giá tài sản, quản lý rủi ro tài chính, nắm vững các quy định và chính sách ngân hàng, và có khả năng đưa ra các quyết định tài chính.
PLO 1.4: Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ kế toán, thuế, tài chính – tiền tệ….vào việc tổ chức thực hiện trong thực tế.	PI 1.4.1	Hiểu rõ về quy trình kế toán, quy định thuế và các chính sách tài chính - tiền tệ,
	PI 1.4.2	Áp dụng những kiến thức này để xử lý các vấn đề phức tạp trong việc lập báo cáo tài chính, quản lý thuế, phân tích tài chính và quản lý vốn.

PLO 1.5: Phân tích các hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực Tài chính như hoạt động tài chính doanh nghiệp, hoạt động của các định chế tài chính, hoạt động định giá tài sản và đầu tư chứng khoán.	PI 1.5.1	Nắm vững kiến thức sâu về nguyên tắc và quy trình tài chính, bao gồm lập kế hoạch tài chính, quản lý nguồn vốn, quản lý rủi ro tài chính và quản lý vốn lưu động.
	PI 1.5.2	Phân tích các báo cáo tài chính để đánh giá hiệu suất tài chính của doanh nghiệp, đưa ra đề xuất cải thiện và đưa ra quyết định chiến lược dựa trên thông tin tài chính; pha tích các sản phẩm và dịch vụ tài chính mà các định chế cung cấp, đánh giá rủi ro và hiệu suất của các hoạt động tài chính, và đưa ra đề xuất cải thiện và quản lý rủi ro.
PLO 1.6: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng chuyên sâu để phân tích, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp, phân tích các cơ hội đầu tư tài chính và quản trị rủi ro tài chính.	PI 1.6.1	Nắm vững kỹ năng đọc, hiểu và phân tích các báo cáo tài chính, bao gồm báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo tài sản; phân tích các chỉ số tài chính để đánh giá hiệu suất và tình hình tài chính của doanh nghiệp; có khả năng đưa ra đề xuất cải thiện dựa trên phân tích kết quả và tình hình tài chính.
	PI 1.6.2	Hiểu về các công cụ đầu tư tài chính; phân tích và đánh giá tiềm năng sinh lời, rủi ro và tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến các cơ hội đầu tư tài chính; có khả năng đề xuất các chiến lược quản trị rủi ro tài chính để bảo vệ vốn đầu tư và tối đa hóa lợi nhuận.
PLO 1.7: Phân tích các vấn đề chuyên sâu về tài chính quốc tế, về mối liên hệ giữa lạm phát, lãi suất và tỷ giá cũng như ảnh hưởng của các biến số này tới nền kinh tế quốc gia cũng như hoạt động tài chính của doanh nghiệp	PI 1.7.1	Nắm vững các khía cạnh của tài chính quốc tế; hiểu về các thỏa thuận thương mại quốc tế, chính sách tài chính quốc tế và vai trò của các tổ chức tài chính quốc tế; có khả năng áp dụng kiến thức này để phân tích hiệu quả và rủi ro trong môi trường tài chính quốc tế.
	PI 1.7.2	Hiểu cơ chế tác động của lạm phát, lãi suất và tỷ giá đến việc quyết định đầu tư, tiêu dùng và xuất nhập khẩu; phân tích và đánh giá tác động của chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và biến động thị trường tài chính để đưa ra dự báo và quản lý rủi ro tài chính.
PLO 2.1: Có kỹ năng nghiệp vụ trong các ngành nghề khác nhau như kế toán, thuế, tài chính doanh nghiệp, ngân hàng, bảo hiểm… tại các đơn vị công hoặc doanh nghiệp tư nhân trong nước và quốc tế.	PI 2.1.1	Hiểu và áp dụng các quy định, quy trình và phương pháp nghiệp vụ trong các lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng; có khả năng giải quyết các vấn đề thực tế, xử lý tài liệu, và thực hiện các hoạt động liên quan đến kế toán, tài chính, ngân hàng và bảo hiểm
	PI 2.1.2	Hiểu biết về các quy tắc, quy định và thực tiễn kinh doanh trong các nước khác nhau; có khả năng thích nghi với sự đa dạng văn hóa và phong cách làm việc của các quốc gia

		khác nhau; có khả năng làm việc trong các công ty đa quốc gia, đối tác tài chính quốc tế và tổ chức quốc tế.
PLO 2.2: Năng lực ngoại ngữ đạt bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.	PI 2.2.1	Có khả năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh trình độ tương đương bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đáp ứng yêu cầu công việc.
	PI 2.2.2	Sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.
PLO 2.3: Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình trước đám đông để tổ chức và điều hành công việc.	PI 2.3.1	Có kiến thức về nghiên cứu khoa học: hình thành được ý tưởng, vấn đề, mục tiêu, câu hỏi và giả thuyết; hình thức và cấu trúc đề cương của một đề tài nghiên cứu
	PI 2.3.2	Biết cách làm việc nhóm và thuyết trình trước đám đông để tổ chức và điều hành công việc.
PLO 3.1: Có phẩm chất chính trị; sức khoẻ tốt; lối sống lành mạnh; Tác phong làm việc chuyên nghiệp và khả năng học tập suốt đời để phát triển năng lực cá nhân	PI 3.1.1	Có phẩm chất chính trị, sức khoẻ tốt, lối sống lành mạnh, có trách nhiệm xã hội, tuân thủ các quy tắc của tổ chức và đạo đức nghề nghiệp.
	PI 3.1.2	Tác phong làm việc chuyên nghiệp và khả năng học tập suốt đời để phát triển năng lực cá nhân.
PLO 3.2: Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; có khả năng đưa ra được kết luận về lĩnh vực kinh tế, tài chính – ngân hàng ở mức độ căn bản và một số vấn đề mức độ chuyên sâu; đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo của một tổ chức.	PI 3.2.1	Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó, tinh thần tự chịu trách nghiệm, thái độ hợp tác và sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.
	PI 3.2.2	Biết cách sử dụng các công cụ quản lý để từ đó có thể quyết định quản lý và có tư duy lãnh đạo tổ chức.

3. Ma trận liên kết giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT

Ký hiệu CĐR	CĐR của chương trình đào tạo	Mục tiêu CTĐT				
		PO1	PO 2	PO 3	PO 4	PO 5
PLO 1.1	Nắm vững được phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin và của Đảng cộng sản Việt Nam, hiểu về thể chế nhà nước, quy trình và tác động của chính sách, vận dụng vào giải quyết vấn đề thực tiễn trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN					X
PLO 1.2	Hiểu, vận dụng các quy luật của kinh tế thị trường, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào thực tiễn để giải quyết vấn đề kinh tế - xã hội, đưa ra các quyết định kinh doanh thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.	X				X
PLO 1.3	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về nền kinh tế nói chung và cách thức vận hành của thị trường tài chính nói riêng để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng	X	X	X		
PLO 1.4	Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ kế toán, thuế, tài chính – tiền tệ….vào việc tổ chức thực hiện trong thực tế.					X
PLO 1.5	Phân tích các hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực Tài chính như hoạt động tài chính doanh nghiệp, hoạt động của các định chế tài chính, hoạt động định giá tài sản và đầu tư chứng khoán.		X	X		
PLO 1.6	Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng chuyên sâu để phân tích, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp, phân tích các cơ hội đầu tư tài chính và quản trị rủi ro tài chính.		X	X		
PLO 1.7	Phân tích các vấn đề chuyên sâu về tài chính quốc tế, về mối liên hệ giữa lạm phát, lãi suất và tỷ giá cũng như ảnh hưởng của các biến số này tới nền kinh		X	X		

	tế quốc gia cũng như hoạt động tài chính của doanh nghiệp					
PLO 2.1	Có kỹ năng nghiệp vụ trong các ngành nghề khác nhau như kế toán, thuế, tài chính doanh nghiệp, ngân hàng, bảo hiểm… tại các đơn vị công hoặc doanh nghiệp tư nhân trong nước và quốc tế.		X	X	X	
PLO 2.2	Năng lực ngoại ngữ đạt bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc				X	
PLO 2.3	Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình trước đám đông để tổ chức và điều hành công việc.				X	X
PLO 3.1	Có phẩm chất chính trị; sức khoẻ tốt; lối sống lành mạnh; Tác phong làm việc chuyên nghiệp và khả năng học tập suốt đời để phát triển năng lực cá nhân					X
PLO 3.2	Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; có khả năng đưa ra được kết luận về lĩnh vực kinh tế, tài chính – ngân hàng ở mức độ căn bản và một số vấn đề mức độ chuyên sâu; đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo của một tổ chức.	X			X	X

4. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Mã HP	Tên HP	Số TC	Chuẩn đầu ra CTĐT											
				PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 1.3	PLO 1.4	PLO 1.5	PLO 1.6	PLO 1.7	PLO 2.1	PLO 2.2	PLO 2.3	PLO 3.1	PLO 3.2
1. Kiến thức giáo dục đại cương															
1	THML04	Triết học Mác-Lênin	3	3											x
2	THKT05	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	3											x
3	THĐL04	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	3											x
4	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3											x
5	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	3											x
6	TOCC03	Toán cao cấp 1	3		3									x	x
7	TOCC02	Toán cao cấp 2	3		3									x	x
8	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3		3										x
9	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3		3		2					x		x	
10	TOĐC06	Tin học đại cương	3				3					x		x	x

11	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8	3					2					x	x
12	GDTC08	Giáo dục thể chất 1 *	2												x
13	GDTC06	Giáo dục thể chất 2 *	2												x
14	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2												x
15	NNIL1.1	Tiếng Anh IELTS 1.1	6												x
16	NNIL1.2	Tiếng Anh IELTS 1.2	6									x			x
17	NNIL1.3	Tiếng Anh IELTS 1.3	6									x			x
18	NNIL1.4	Tiếng Anh IELTS 1.4	6									x			x
2.Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp															
2.1 Kiến thức cơ sở ngành															
2.1.1 Cơ sở ngành bắt buộc															
1	LUQT03	Pháp luật kinh tế	4	2	2									X	
2	CLCDT19	Nguyên lý đầu tư	3			3	3				X	X		X	
3	CLCMI01	Kinh tế vi mô 1	3			2					X			X	

4	CLCKT21	Nguyên lý kế toán	3			2	3				X	X		X	
5	CLCMA01	Kinh tế vĩ mô 1	3			2					X			X	
6	TOKT05	Kinh tế lượng	3			2	3							X	
7	CLCKT20	Kế toán tài chính	3			2	3				X	X		X	
8	CLCTT24	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3			3	3				X	X		X	
9	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2			2	3				X	X		X	X
2.1.2 Cơ sở ngành lựa chọn															
1	CLCMR24	Marketing căn bản	3			2					X			X	
2	TCTO10	Toán tài chính	3			2								X	
3	CLCCM01	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	3			3	3				X	X		X	
4	CLCHO10	Quản trị học	3			2								X	
5	CLCMA02	Kinh tế vĩ mô 2	3			2					X			X	
2.2 Kiến thức ngành															
2.2.1 Ngành bắt buộc															

1	CLCQT30	Kế toán quản trị	3			3	3				X	X		X	
2	CLCPF01	Quản lý Tài chính công	3			3	3				X	X		X	
3	CLCTC18	Tài chính doanh nghiệp	3			3	3				X	X		X	
4	CLCĐC01	Thị trường tài chính và định chế tài chính	3			3	3				X	X		X	
5	CLCNH37	Ngân hàng thương mại	3			3	3				X	X		X	
2.2.2 Ngành lựa chọn															
1	CLCBH26	Nguyên lý bảo hiểm	3			3	3				X	X		X	
2	LUQT04	Pháp luật doanh nghiệp	3			2	3					X		X	
3	CLCCN32	Tài chính cá nhân	3			3	3				X	X		X	
4	CLCHV33	Tài chính hành vi	3			3	3				X	X		X	
2.3 Kiến thức chuyên ngành															
2.3.1 Chuyên ngành bắt buộc															
1	CLCTC22	Tài chính quốc tế	3					3	3	4	X		X	X	
2	CLCBC36	Phân tích báo cáo tài chính	3					3	3	4	X		X	X	

3	CLCRR31	Quản trị rủi ro tài chính	3					3	3	4	X		X	X	
4	CLCTH16	Thuế và hệ thống thuế	3					3	3	4	X		X	X	
2.3.2 Chuyên ngành lựa chọn															
1	CLCDM29	Quản lý danh mục đầu tư	3					3	3	4	X		X	X	
2	CLCCK28	Phân tích và đầu tư chứng khoán	3					3	3	4	X		X	X	
3	CLCDG28	Định giá tài sản	3					3	3	4	X		X	X	
4	CLCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3					3	3	4	X		X	X	
5	CLCPS34	Thị trường phái sinh	3					3	3	4	X		X	X	
2.4 Thực tập, học phần tốt nghiệp và khoá luận tốt nghiệp															
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4			2	3	3	4	4	X	X	X	X	X
2	KLTN01	Khóa luận tốt nghiệp	6			2	3	3	4	4	X	X	X	X	X
3	CLCTN02	Quản trị Tài chính quốc tế	3					3	4	4	X	X	X	X	X
4	CLCTN04	Tài chính doanh nghiệp quốc tế	3					3	4	4	X	X	X	X	X

5. Thời gian đào tạo:	3,5 - 4 năm
6. Khối lượng kiến thức toàn khóa:	132 tín chỉ
7. Đối tượng tuyển sinh:	Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy
8. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:	Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo và Quy chế đào tạo đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định của Học viện.
9. Thang điểm:	Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm 4 và điểm chữ

10. Cấu trúc kiến thức của Chương trình đào tạo

Nội dung	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Số học phần	Tỷ lệ (%)
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (không bao gồm GDTC&QP)	**50**	**14**	**37,9**
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	**82**	**26**	**62,1**
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	**33**	**11**	**25,0**
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc	*27*	*9*	*20,4*
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn	*06*	*2*	*4,5*
2.2. Kiến thức ngành	**21**	**7**	**15,9**
2.2.1. Ngành bắt buộc	*15*	*5*	*11,4*
2.2.2. Ngành tự chọn	*06*	*2*	*4,5*
2.3. Kiến thức chuyên ngành	**18**	**6**	**13,6**
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc	*12*	*4*	*9,1*
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn	*06*	*2*	*4,5*
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	**10**	**2**	**7,5**
TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không bao gồm GDTC & GDQP)	**132**	**40**	**100%**

11. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số TC	Học kỳ
1	**GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**		**50**	
1	THML04	Triết học Mác-Lênin	3	1
2	THKT05	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2
3	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3
4	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	4
5	THĐL04	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	4
6	TOCC03	Toán cao cấp 1	3	1
7	TOCC02	Toán cao cấp 2	3	2
8	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3
9	TOĐC06	Tin học đại cương	3	2
10	NNIL1.1	Tiếng Anh IELTS 1.1	6	1
11	NNIL1.2	Tiếng Anh IELTS 1.2	6	2
12	NNIL1.3	Tiếng Anh IELTS 1.3	6	2
13	NNIL1.4	Tiếng Anh IELTS 1.4	6	3
14	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	5
2	**GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG**			
15	GDQP02	Giáo dục quốc phòng *	8	4
3	**GIÁO DỤC THỂ CHẤT**			
16	GDTC08	Giáo dục thể chất 1 *	2	1
17	GDTC06	Giáo dục thể chất 2 *	2	2
18	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2	3
4	**CƠ SỞ NGÀNH (BẮT BUỘC)**		**27**	
1	LUQT03	Pháp luật kinh tế	4	2
2	CLCDT19	Nguyên lý đầu tư	3	4
3	CLCMI01	Kinh tế vi mô 1	3	3
4	CLCKT21	Nguyên lý kế toán	3	3
5	CLCMA01	Kinh tế vĩ mô 1	3	4
6	TOKT05	Kinh tế lượng	3	4
7	CLCKT20	Kế toán tài chính	3	4
8	CLCTT24	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	5
9	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	6
5	**CƠ SỞ NGÀNH (LỰA CHỌN 6 tín chỉ)**		**6**	
1	CLCMR24	Marketing căn bản	3	4

2	TCTO10	Toán tài chính	3	5
3	CLCCM01	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	3	6
4	CLCHO10	Quản trị học	3	5
5	CLCMA02	Kinh tế vĩ mô 2	3	6
6	**NGÀNH BẮT BUỘC**		**15**	
1	CLCQT30	Kế toán quản trị	3	4
2	CLCPF01	Quản lý Tài chính công	3	5
3	CLCTC18	Tài chính doanh nghiệp	3	5
4	CLCĐC01	Thị trường tài chính và định chế tài chính	3	6
5	CLCNH37	Ngân hàng thương mại	3	5
7	**NGÀNH (LỰA CHỌN 6 tín chỉ)**		**6**	
1	CLCBH26	Nguyên lý bảo hiểm	3	6
2	LUQT04	Pháp luật doanh nghiệp	3	7
3	CLCCN32	Tài chính cá nhân	3	6
4	CLCHV33	Tài chính hành vi	3	6
8	**CHUYÊN NGÀNH BẮT BUỘC**		**12**	
1	CLCTC22	Tài chính quốc tế	3	7
2	CLCBC36	Phân tích báo cáo tài chính	3	7
3	CLCRR31	Quản trị rủi ro tài chính	3	7
4	CLCTH16	Thuế và hệ thống thuế	3	7
9	**CHUYÊN NGÀNH (LỰA CHỌN 6 tín chỉ)**		**6**	
1	CLCDM29	Quản lý danh mục đầu tư	3	7
2	CLCCK28	Phân tích và đầu tư chứng khoán	3	7
3	CLCDG28	Định giá tài sản	3	7
4	CLCTĐ17	Thẩm định đánh giá dự án đầu tư	3	7
5	CLCPS34	Thị trường phái sinh	3	7
10	**THỰC TẬP VÀ KHÓA LUẬN/MÔN TỐT NGHIỆP**		**10**	
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
2	KLTN01	Khóa luận tốt nghiệp **	6	8
3	CLCTN02	Quản trị Tài chính quốc tế	3	8
4	CLCTN04	Tài chính doanh nghiệp quốc tế	3	8
TỔNG (Không bao gồm GDTC & GDQP)			**132**	

Ghi chú:

(*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo

(**) Tùy kết quả học tập mà sinh viên sẽ làm KLTN mục 2 hoặc học 2 môn thay thế ở mục 3 và 4.

12. Đối sánh CTĐT khác

Mã số	Tên học phần	CT1	CT2	CT3	CT4	CT5
THML04	Triết học Mác-Lênin	c	c	c		
THKT05	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	c	c	c		
THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	c	c	c		
THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	c	c	c		
THĐL04	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	c	c	c		
TOCC03	Toán cao cấp 1	c	c	c	x	x
TOCC02	Toán cao cấp 2	c	c	c	x	x
TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	c	c	c		
TOĐC06	Tin học đại cương	c	c	c		
NNIL1.1	Tiếng Anh IELTS 1.1	c	c	c		
NNIL1.2	Tiếng Anh IELTS 1.2	c	c	c		
NNIL1.3	Tiếng Anh IELTS 1.3	c	c	c		
NNIL1.4	Tiếng Anh IELTS 1.4	c	c	c		
PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	c	c	c	c	c
GDQP02	Giáo dục quốc phòng *	c	c	c		
GDTC08	Giáo dục thể chất 1 *	c	c	c		
GDTC06	Giáo dục thể chất 2 *	c	c	c		
GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	c	c	c		
LUQT03	Pháp luật kinh tế	c	x	c	c	c
CLCDT19	Nguyên lý đầu tư	c	c	c	c	c
CLCMI01	Kinh tế vi mô 1	c	c	c	c	c
CLCKT21	Nguyên lý kế toán	c	c	c	c	c
CLCMA01	Kinh tế vĩ mô 1	c	c	c	c	c
TOKT05	Kinh tế lượng	c	c	c	x	x
CLCKT20	Kế toán tài chính	c	c	c	c	c
CLCTT24	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	x	x	c	c	c
QLCD01	Chuyên đề thực tế		c	c	c	c
CLCMR24	Marketing căn bản	x	x	c	c	c
TCTO10	Toán tài chính	x	x	c	c	c
CLCCM01	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	x	x	c	c	c
CLCHO10	Quản trị học	c	x	c	c	c
CLCMA02	Kinh tế vĩ mô 2	c	c	c	c	c

CLCQT30	Kế toán quản trị	c	c	c	c	c
CLCPF01	Quản lý Tài chính công		x	x	c	x
CLCTC18	Tài chính doanh nghiệp	c	c	c	c	c
CLCĐC01	Thị trường tài chính và định chế tài chính	c	c	c	c	c
CLCNH37	Ngân hàng thương mại	c	c	c	c	c
CLCBH26	Nguyên lý bảo hiểm	c	x	c	c	c
LUQT04	Pháp luật doanh nghiệp	x	c	x	x	x
CLCCN32	Tài chính cá nhân	c		c	c	c
CLCHV33	Tài chính hành vi	c	c	c	c	c
CLCTC22	Tài chính quốc tế	c		c	c	c
CLCBC36	Phân tích báo cáo tài chính	c	c	c	c	c
CLCRR31	Quản trị rủi ro tài chính	c	x	c	c	c
CLCTH16	Thuế và hệ thống thuế	c	c	c	c	c
CLCDM29	Quản lý danh mục đầu tư	c	c	c	x	x
CLCCK28	Phân tích và đầu tư chứng khoán	c	c	c	c	c
CLCDG28	Định giá tài sản	c	c	c	x	x
CLCTĐ17	Thẩm định đánh giá dự án đầu tư	x	c	c	x	x
CLCPS34	Thị trường phái sinh	c	x	c	c	c
TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	c	c	c	c	c
KLTN01	Khóa luận tốt nghiệp	c	c	c	c	c
CLCTN02	Quản trị Tài chính quốc tế					
CLCTN04	Tài chính doanh nghiệp quốc tế					

Ghi chú:

+ c: Học phần có nội dung gần

+ x: Học phần có nội dung tương thích

- CT1: chương trình Tài chính – Ngân hàng CLC Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội

- CT2: chương trình Tài chính – Ngân hàng CLC Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

- CT3: chương trình Tài chính – Ngân hàng Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN

- CT4: chương trình Tài chính Trường Đại học Middelsex – Anh quốc

- CT5: chương trình Tài chính Trường Đại học Purdue - Mỹ

13. Hướng dẫn thực hiện

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 học kỳ chính, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chi.

- Căn cứ kế hoạch đào tạo chuẩn, Học viện đăng ký mặc định thời khóa biểu từng học kỳ chính cho sinh viên, trừ học kỳ đầu tiên các học kỳ kế tiếp sinh viên được điều chỉnh đăng ký số tín chi/học phần tăng lên hoặc giảm đi theo quy định.

- Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

- Khi sinh viên hoàn thành trình độ năm thứ nhất, nếu đạt các điều kiện theo yêu cầu của *Quy định sinh viên đại học hệ chính quy học cùng lúc hai chương trình đào tạo tại Học viện Chính sách và Phát triển* sinh viên có thể được đăng ký học cùng lúc hai chương trình vào bất kỳ chương trình/ngành của Học viện.

- Khối lượng kiến thức, phương pháp dạy và học, cách đánh giá học phần, nội dung cần đạt được chuẩn đầu ra (CLO) của từng học phần được mô tả, quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

VIỆN TRƯỞNG	**GIÁM ĐỐC**
PGS. TS. Đào Hoàng Tuấn	**PGS.TS. Trần Trọng Nguyên**